

Bản án số: 111/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kế An;

2. Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 333/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu T, sinh năm: 1996; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tâm Thanh T, sinh năm: 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 29/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị Thu T trình bày:

Do quen biết chị và anh Nguyễn Tâm Thanh T tiến tới hôn nhân vào năm 2012, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng năm 2015

thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Nguyễn Tâm Thanh T không lo làm ăn và thường xuyên chửi mắng chị. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tâm Thanh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Võ Mỹ T, sinh ngày 01/7/2013, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, con chung chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Nguyễn Tâm Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Tâm Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn anh Nguyễn Tâm Thanh T cư trú: Ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Tâm Thanh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Võ Thị Thu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Võ Thị Thu T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Nguyễn Tâm Thanh T nhưng anh Nguyễn Tâm Thanh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tâm Thanh T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Tâm Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành

Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/01/2014 tại Quyển số 01/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Võ Thị Thu T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự cãi nhau, anh Nguyễn Tâm Thanh T không lo làm ăn và thường xuyên chửi mắng chị. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Khi chị Võ Thị Thu T có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh Nguyễn Tâm Thanh T nhưng anh Nguyễn Tâm Thanh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Thu T, tại phiên tòa anh Nguyễn Tâm Thanh T vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó đã cho thấy anh Nguyễn Tâm Thanh T đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh và chị Võ Thị Thu T. Xét thấy, tình cảm và đời sống chung của vợ chồng của chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Tâm Thanh T đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Tâm Thanh T là phù hợp.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Tâm Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Võ Mỹ T, sinh ngày 01/7/2013, hiện đang sống với chị Võ Thị Thu T. Khi ly hôn, con chung chị Võ Thị Thu T yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh Nguyễn Tâm Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại cháu Nguyễn Võ Mỹ T đang sống cùng chị Võ Thị Thu T, cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, hiện tại chị Võ Thị Thu T có công việc thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc tốt con chung. Mặt khác, tại bản tự khai, cháu Nguyễn Võ Mỹ T trình bày ý kiến có nguyện vọng được sống cùng chị Võ Thị Thu T. Đối với anh Nguyễn Tâm Thanh T từ khi vụ án thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử cũng không có nguyện vọng được nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, học hành, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Nguyễn Võ Mỹ T cho chị Võ Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Tâm Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Võ Thị Thu T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Võ Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Tâm Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Võ Mỹ T, sinh ngày 01/7/2013 cho chị Võ Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tâm Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Võ Thị Thu T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Tâm Thanh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Thu T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005606 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem thi hành xong.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Kim Thúy